TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 149/2018/HNGĐ-PT Ngày: 29-01-2018 V/v Tranh chấp ly hôn, tranh chấp quyền sở hữu tài sản.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thọ Viên

Các thẩm phán: Bà Đặng Thị Bích Loan

Bà Trần Thị Lệ Uyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Đoàn Bích Trâm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 và 29/01/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 125/2017/TLPT-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2017 về vụ việc: "Tranh chấp ly hôn và tranh chấp quyền sở hữu tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 767/2017/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận C Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng nghị và kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2778/2017/QĐ-PT ngày 20 tháng 10 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đào Thị Huyền T1, sinh năm: 1986

Địa chỉ: 38/3B đường M, tổ N, khu phố B, phường P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Đặng Hoài M, sinh năm: 1981

Địa chỉ: 38/3B đường M, tổ N, khu phố B, phường P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: số 12 đường 59, phường T, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Phạm Văn H1 – Luật sư của Văn phòng luật sư H thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Ngô Thị Hồng T2, sinh năm: 1957

Địa chỉ: số 42 (số mới 322) Đường D, phường Q, Thành phố K, tỉnh Kon Tum.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Nhật T9 – Luật sư của Văn phòng luật sư V thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh

2. Ông Đào Xuân T3, sinh năm: 1988

Địa chỉ: số 42 (số mới 322) Đường D, phường Q, Thành phố K, tỉnh Kon Tum.

Địa diện ủy quyền: Bà Ngô Thị Hồng T2, sinh năm: 1957 (theo giấy ủy quyền số 02TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/12/2017 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thiên Nhẫn).

3. Ông Đào Hồng Đ, sinh năm: 1993

Địa chỉ: số 42 (số mới 322) Đường D, phường Q, Thành phố K, tỉnh Kon Tum.

Địa diện ủy quyền: Bà Ngô Thị Hồng T2, sinh năm: 1957 (theo giấy ủy quyền số 172544/GUQ ngày 14/12/2017 tại Văn phòng công chứng F).

4. Bà Đào Thị Huyền T1, sinh năm: 1986

Địa chỉ: 38/3B đường M, tổ N, khu phố B, phường P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người làm chứng:

1. Ông Trần Xuân H, sinh năm: 1955

Địa chỉ: 75/Q1 Khu phố A, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Ông Trần Văn M1, sinh năm: 1959

Địa chỉ: 12 đường 59, phường T, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông Nguyễn Minh T4, sinh năm: 1963

Địa chỉ: 539/25B Đường Đ, khu phố S, phường P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Ông Đặng Hoài M.
- *Người kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trình bày của nguyên đơn bà Đào Thị Huyền T1:

Bà và ông Đặng Hoài M chung sống với nhau từ năm 2010, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 36, quyển số 01 ngày 16/4/2010. Sau khi kết hôn, bà và ông M sống tại Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2011 thì chuyển về 38/3B đường M, Khu phố B, phường P, Quận C, Thành phố Hồ Chí

Minh. Từ khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do ông M có quan hệ tình cảm với người khác, bà biết được đã khuyên nhủ và bỏ qua nhưng ông M vẫn qua lại với người yêu cũ. Trong thời gian chung sống bà không cảm nhận được hạnh phúc gia đình do tính tình khác biệt, bất đồng quan điểm về cách sống, về cách giáo dục con cái. Ông M có tính gia trưởng, luôn cho là mình đúng. Khi vợ chồng gây gổ thì ông M xúc phạm bà và gia đình bà, hay đánh đập bà, có nhiều lần bà đã báo chính quyền địa phương. Công an tới hòa giải nhưng không lập biên bản vì ông M cũng trong ngành Công an. Vợ chồng bà không có sự yêu thương, chia sẻ, quan tâm chăm sóc cho nhau. Tháng 6 năm 2013, bà đã nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng do Tòa án hòa giải, tác động và bà cũng muốn hàn gắn, hy vọng ông M thay đổi nên đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, từ đó đến nay vợ chồng vẫn không thể dung hòa để sống cùng nhau. Bà đã ly thân với ông M từ tháng 3 năm 2013 đến nay.

Hiện nay, do tình cảm vợ chồng rạn nứt, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà đã cố gắng hết sức nhưng không thể hàn gắn, đoàn tụ được nên bà xin được ly hôn với ông M.

Về con chung: Bà T1 xác định bà và ông M có 01 con chung tên Đặng Duy K, sinh ngày 14/01/2011. Hiện nay cháu Duy K đang sống chung với bà T1 và yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Duy K, đề nghị ông M cấp dưỡng nuôi con số tiền 4.000.000 đồng/tháng cho đến khi trẻ Duy K đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Không có

Bị đơn ông Đặng Hoài M trình bày:

Ông và bà Đào Thị Huyền T1 chung sống với nhau từ năm 2010 và đã được Ủy ban nhân dân phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 36, quyển số 01 ngày 16/4/2010. Cuộc sống chung vợ chồng lúc đầu hạnh phúc về sau không hạnh phúc. Nguyên nhân do bà T1 thường xuyên bỏ bê, không quan tâm chăm sóc chồng con. Ông và và Trang đã ly thân từ tháng 3 năm 2013 đến nay. Nay bà T1 xin ly hôn, ông đồng ý.

Về con chung, Ông và bà T1 có 01 con chung tên Đặng Duy K, sinh ngày 14/01/2011. Nếu ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Duy K và không yêu cầu bà T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông và bà T1 có tài sản chung là căn nhà tại địa chỉ 38/3B đường M, Khu phố B, phường P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Nhà, đất này là do cha mẹ vợ là ông Đào Xuân C (đã mất năm 2012) và bà Ngô Thị Thắm cho vợ chồng ông tiền để mua đất và xây nhà (cho miệng không làm giấy tờ). Số tiền mua đất là 900.000.000 (chín trăm triệu) đồng, số tiền xây nhà là 650.000.000 (sáu trăm năm mươi triệu) đồng. Vợ chồng ông xây nhà chưa hoàn công nên chỉ có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà T1 đứng tên. Ông M

xác định đây là tài sản chung của vợ chồng có được trong thời kỳ hôn nhân nên yêu cầu chia đôi giá trị nhà đất nêu trên.

Về nợ chung, vào khoảng năm 2011, ông và bà T1 có vay của cha mẹ vợ là ông C, bà T2 số tiền 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng). Việc vay mượn không lập thành văn bản. Nay ông đề nghị chia đôi số nợ nêu trên, ông trả một nửa, bà T1 trả một nửa. Ngoài ra, ông và bà T1 có vay của Ngân hàng P – Chi nhánh 9 với số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng theo Hợp đồng tín dụng số 6300-LAV-2011 ngày 20 tháng 10 năm 2011. Do số tiền này Ông và bà T1 cùng đứng tên vay nhưng bà T1 vay sử dụng vào việc riêng nên ông đề nghị trả số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng, bà T1 trả số tiền còn lại là 85.000.000 (tám mươi lăm triệu) đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Hồng T2 trình bày:

Vào năm 2010, bà và chồng bà là ông Đào Xuân C (đã mất năm 2012) có bán căn nhà tại thành phố KonTum để mua lô đất tại 38/3B đường M, tổ N, khu phố B, phường P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh trị giá 900.000.000 (chín trăm triệu) đồng. Lúc này do ông C phát hiện bị ung thư, sức khỏe quá yếu, việc đi lại rất khó khăn, bà không thể trực tiếp thực hiện việc giao dịch mua đất, xây nhà nêu trên nên bà có nhờ con gái là Đào Thị Huyền T1 thực hiện các giao dịch và đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giùm cho bà và ông C. Việc nhờ T1 đứng tên thì ông Đặng Hoài M có biết nhưng không can thiệp vào việc của gia đình nhà vợ. Đầu năm 2011, bà và ông C quyết định xây nhà trên phần đất trên nên ông C chuyển tiền cho T1 và Minh số tiền 650.000.000 (sáu trăm năm mươi triệu) đồng để nhờ T1 và M chọn nhà thầu và trông coi việc xây dựng giùm. Tất cả mọi việc về giao dịch mua bán, đứng tên trên giấy tờ đất, chọn nhà thầu và trông coi xây dựng do tin tưởng là con trong nhà nên không lập thành văn bản mà chỉ nói qua điện thoại. Khi hoàn thiện xong căn nhà, bà và ông C thấy bà T1 và ông M chưa có chỗ ở, đang phải đi thuê nhà nên có tạo điều kiện cho bà T1 và ông M về ở tạm tại căn nhà trên. Trong quá trình chung sống, bà T1 và ông M phát sinh mâu thuẫn nên đã nộp đơn lên Tòa án yêu cầu ly hôn. Ông M cho rằng bà và ông C đã cho bà T1 và ông M căn nhà nêu trên nên xác định đây là tài sản chung của hai vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân và đề nghị chia đôi giá trị căn nhà trên là không phù hợp. Bởi lẽ, đây là nhà đất của bà và ông C. Việc chuyển tiền cho các con mua đất, xây nhà là do điều kiện tại thời điểm đó ông C và bà không thể trực tiếp thực hiện việc mua bán, xây dựng nhà nên nhờ con gái là Đào Thị Huyền T1 đứng tên giùm. Tổng số tiền ông C và bà đã chuyển cho bà T1 là 1.053.000.000 (một tỷ không trăm năm mươi ba triệu) đồng, chuyển cho ông M là 326.000.000 (ba trăm hai mươi sáu triệu) đồng. Tổng cộng, ông C và bà đã chuyển cho ông M, bà T1 là 1.379.000.000 (một tỷ ba trăm bảy mươi chín triệu) đồng. Trong đó, tiền mua đất là 900.000.000 (chín trăm triệu) đồng, tiền xây nhà là 650.000.000 (sáu trăm năm mươi triệu) đồng. Tổng cộng là 1.550.000.000 đồng. Còn thiếu 171.000.000 (một trăm bảy mươi mốt triệu) đồng. Bà T1 tự giải quyết bằng tiền cá nhân nên bà sẽ hoàn lại cho bà

T1 nếu bà T1 có yêu cầu. Bà xác định đây là tài sản của bà và ông C, nên bà yêu cầu bà T1 trả lại căn nhà nêu trên cho bà.

Ngoài ra, Bà T2 xác định bà T1 và ông M không nợ bà số tiền 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng như ông M nêu. Đây là số tiền bà gửi cho bà T1 và ông M để xây nhà giùm trong số tiền 650.000.000 (sáu trăm năm mươi triệu) đồng. Quá trình xây nhà, bà T1 và ông M không bỏ thêm bất cứ chi phí nào để xây dựng hoặc sửa chữa đối với căn nhà trên. Bà không biết việc bà T1 và ông M thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của căn nhà trên để vay tiền của Ngân hàng P. Đề nghị bà T1 và ông M trả nợ cho Ngân hàng và làm các thủ tục trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà.

Người làm chứng

Ông Trần Xuân H trình bày:

Ông là cậu ruột của ông Đặng Hoài M và là người đi tìm mua giùm cho bà T1 và ông M nhà đất tại 38/3B đường M, Khu phố B, phường P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh và là người trực tiếp trông coi việc xây dựng căn nhà trên. Việc bố mẹ ruột của bà T1 cho bà T1 và ông M số tiền bao nhiêu và vào thời gian nào thì ông không rõ.

Ông Trần Văn M1 trình bày:

Ông là cậu ruột của ông Đặng Hoài M nên khi vợ chồng bà T1 và ông M mua phần đất tọa lạc tại 38/3B đường M, Khu phố B, phường P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông là người trực tiếp liên hệ, thỏa thuận với người bán đất để mua đất. Ông C, bà T2 có nói nhờ ông mua phần đất trên cho vợ chồng bà T1, ông M. Khi xây nhà, thì ông chứng kiến ông M ký hợp đồng với thầu xây dựng. Việc ông C, bà T2 có gửi tiền cho ông M mua đất, xây nhà hay không và gửi bao nhiêu thì ông không chứng kiến nên không biết.

Ông Nguyễn Minh T4 trình bày:

Ông là người bán lô đất tại 38/3B đường M, Khu phố B, phường P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà T1, ông M. Quá trình giao dịch có sự thỏa thuận của ông M1 - cậu ruột của ông M. Hợp đồng đặt cọc và nhận tiền được thực hiện tại nhà ông M1 ở Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Khi ra công chứng hợp đồng mua bán thì do giấy chứng minh nhân dân của ông M không hợp lệ nên bà T1 đứng tên một mình.

Tại bản án số 767/2017/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận C Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Đào Thị Huyền T1 với ông Đặng Hoài M.

Giấy kết hôn số 36 Quyển số 01 do Uỷ ban nhân dân phường X, Quận Y cấp ngày 16/4/2010 hết giá trị pháp lý khi bản án này có hiệu lực.

2. Về con chung

Giao trẻ Đặng Duy K, sinh ngày 14/01/2011 cho bà Đào Thị Huyền T1 trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Đặng Hoài M cấp dưỡng nuôi con với mức 4.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông M được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Bác yêu cầu của ông Đặng Hoài M về việc xác định căn nhà và đất tại 38/3B đường M, Khu phố B, phường P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc tài sản chung vợ chồng của ông M bà T1 để chia tài sản ly hôn.

Chấp nhận yêu cầu của Bà Ngô Thị Hồng T2 đại diện cho những người thừa kế ông Đào Xuân C về việc đòi lại tài sản là nhà và đất tại 38/3B đường M, Khu phố B, phường P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Đào Thị Huyền T1 có trách nhiệm làm thủ tục chuyển tên nhà và đất tại 38/3B đường M, Khu phố B, phường P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh lại cho bà T2 và các đồng thừa kế của ông C.

4. Bà Đào Thị Huyền T1 phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 200.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án sơ thẩm số 07489 ngày 24 tháng 10 năm 2013 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T1 đã nộp đủ án phí.

Ông Đặng Hoài M phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm là 200.000 đồng và án phí cấp dưỡng là 200.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.500.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án sơ thẩm số 05005 ngày 18 tháng 4 năm 2014 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông M được nhận lại số tiền chênh lệch là 17.100.000 đồng.

Bà Ngô Thị Hồng T2 không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Ngô Thị Hồng T2 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai số 0007812 ngày 27 tháng 6 năm 2016 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự theo luật định.

Ngày 12/10/2017, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị số 66/QĐKNPT-VKS-DS về việc kháng nghị một phần

Bản án dân sự sơ thẩm số 767/2017/HNGĐ-ST ngày 13/9/2017 của Tòa án nhân dân Quận C Thành phố Hồ Chí Minh theo thủ tục phúc thẩm với các nội dung:

Qua lời khai của các đương sự và căn cứ Giấy chứng tử thì có cơ sở xác định ông Đào Xuân C đã chết ngày 29/9/2012. Tuy nhiên, trong hồ sơ vụ án chưa thể hiện rõ ràng hàng thừa kế thứ nhất của ông C gồm những người nào. Việc Tòa án nhân dân Quận C chưa thu thập chứng cứ để xác định đầy đủ người thừa kế quyền nghĩa vụ tố tụng của ông C để đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan mà đã tuyên xử " bà Đào Thị Huyền T1 có trách nhiệm làm thủ tục chuyển tên nhà và đất tại 38/3B đường M, Khu phố B, phường P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh lại cho bà T2 và các đồng thừa kế của ông C" là chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, gây khó khăn cho công tác thi hành án.

Mặt khác, tại Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2017/QĐXXST ngày 24/7/2017 và số 190/2017/QĐXXST ngày 14/8/2017 trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ và tại các biên bản hòa giải thể hiện trong hồ sơ vụ án, Tòa án nhân dân Quận C chỉ xác định có một mình bà Ngô Thị Hồng T2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, trong bản án dân sự sơ thẩm số 767/2017/HNGĐ-ST ngày 13/9/2017 xác định có 04 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: bà Ngô Thị Hồng T2, bà Đào Thị Huyền T1, ông Đào Xuân T3 và ông Đào Hồng Đ là vi phạm quy định tại Điều 68, Điều 220 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ngoài ra, việc Tòa án nhân dân Quận C căn cứ đơn đề nghị ngày 28/4/2016 để xác định bà T2 là người đại diện cho ông T3, ông Đ là chưa đảm bảo theo quy định về thủ tục tố tụng quy định về người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng.

Qua các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng lời thừa nhận của các đương sự thì tổng số tiền ông C đã gửi vào tài khoản của bà T1 và ông M là 1.379.000.000 đồng để mua nhà đất. Phía ông M cho rằng số tiền này là ông C bà T2 cho vợ chồng ông nhưng ông M không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Đồng thời, sau khi mua nhà đất thì chỉ có mình bà T1 đứng tên sở hữu và bà T1 cũng không thừa nhận là cha mẹ cho vợ chồng bà mà xác nhận là bà T1 chỉ là người đứng tên giùm nên Tòa án nhân dân Quận C xác định nhà đất tại 38/3B đường M, Khu phố B, phường P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh là của ông C bà T2 là có cơ sở.

Tuy nhiên, xét thấy các bên đều thừa nhận tiền mua đất là 900.000.000 đồng, tiền xây nhà là 650.000.000 đồng, tổng cộng là 1.550.000.000 đồng, phía bà Ngô Thị Hồng T2 cũng xác nhận vợ chồng ông bà vẫn còn thiếu ông M bà T1 số tiền 171.000.000 đồng. Mặt khác, ông Đặng Hoài M là người đứng tên trên các hợp đồng thi công xây dựng căn nhà tại 38/3B đường M, Khu phố B, phường P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Phía bà T1 có lời khai tại Biên bản hòa giải ngày 08/9/2015 là ông M có công sức đóng góp cho việc xây dựng nhà. Theo biên bản định giá ngày 08/12/2016 thì giá trị nhà đất tại 38/3B đường M, Khu phố B, phường P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh là 2.137.132.765 đồng.

Trong trường hợp này giá nhà đất đã tăng thêm so với tiền gốc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất ban đầu. Vì vậy, Tòa án phải xem xét và tính toán công sức bảo quản, giữ gìn, tôn tạo làm tăng giá trị nhà đất cho ông M. Việc Tòa án nhân dân Quận C không xem xét và tính công sức bảo quản, giữ gìn, tôn tạo làm tăng giá trị nhà đất và bác toàn bộ yêu cầu phản tố của ông M là không có cơ sở.

Ngày 22/9/2017 ông Đặng Hoài M kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm với yêu cầu:

- Quan hệ hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Đào Thị Huyền T1.

- Con chung: Ông yêu cầu được nuôi con chung là trẻ Đặng Duy K, sinh ngày 14/01/2011.

- Về tài sản: Ông yêu cầu công nhận nhà đất tại số 38/3B đường M, Khu phố B, phường P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của ông và bà T1 có trong thời hôn nhân và đề nghị chia theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông M đồng ý để con chung cho bà Đào Thị Huyền T1 tiếp tục nuôi dưỡng, các yêu cầu khác ông vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông M đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông. Trường hợp không chấp nhận yêu cầu của ông M thì đề nghị Hủy một phần bản án sơ thẩm về tài sản của Tòa án nhân dân Quận C để xét xử lại theo quy định pháp luật do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Bà Đào Thị Huyền T1 đồng ý tiếp tục nuôi con chung, các yêu cầu kháng cáo khác của ông Đặng Hoài M bà không đồng ý, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bà Ngô Thị Hồng T2 không đồng ý yêu cầu kháng cáo của ông M, yêu cầu công nhận nhà đất tại 38/3B đường M, Khu phố B, phường P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh là của bà và chồng bà là ông Đào Xuân C.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T2 đề nghị chấp nhận yêu cầu độc lập của bà T2.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử phúc thẩm và đương sự thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung đề nghị: Chấp nhận kháng cáo của bị đơn; Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 66/QĐKNPT-VKS-DS ngày 12/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc kháng nghị một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 767/2017/HNGĐ-ST ngày 13/9/2017 của Tòa án nhân dân Quận C.

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bà T1 và ông M về việc tiếp tục giao con chung cho bà T1 nuôi dưỡng.

Về tài sản: Hủy phần tài sản đang tranh chấp là nhà đất tọa lạc tại số 38/3B đường M, Khu phố B, phường P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; Giao toàn bộ hồ sơ về phần này cho Tòa án nhân dân Quận C giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng theo như nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của ông Đặng Hoài M làm trong hạn luật định nên được chấp nhận; Quyết định kháng nghị số 66/QĐKNPT-VKS-DS ngày 12/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện trong hạn luật định nên được chấp nhận.

Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, có đủ căn cứ xác định:

- Quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 36, quyển số 01 ngày 16/4/2010, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh thì quan hệ hôn nhân giữa bà T1 với ông M là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Tòa án cấp sơ thẩm công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Đào Thị Huyền T1 với ông Đặng Hoài M, phần này các đương sự không kháng cáo nên phát sinh hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Bà T1 với ông M trong quá trình chung sống có một con chung là trẻ Đặng Duy K, sinh ngày 14/01/2011. Tại phiên tòa phúc thẩm bà T1 và ông M thỏa thuận tiếp tục giao con chung cho bà T1 tiếp tục nuôi dưỡng, sự thỏa thuận này là tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật. Do đó cần tiếp tục giao trẻ Khang cho bà T1 tiếp tục nuôi dưỡng nhằm để trẻ phát triển ổn định, toàn diện về mọi mặt là phù hợp.

Đối với tài sản đang tranh chấp là nhà đất tọa lạc tại số 38/3B đường M, Khu phố B, phường P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh:

Xét trong quá trình giải quyết vụ án, điều tra, thu thập chứng cứ được thể hiện trong Biên bản kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, các Biên bản hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử tại cấp sơ thẩm chỉ xác định bà T2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, trong khi bản án sơ thẩm lại xác định có bốn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, gồm: Bà T2 và các con của bà T2 và ông Đào Xuân C là Đào Thị Huyền T1, Đào Xuân

T3, Đào Hồng Đ là vi phạm quy định về tố tụng trong việc xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Ngô Thị Hồng T2, công nhận nhà đất tại 38/3B đường M, Khu phố B, phường P, Quận C là tài sản thuộc quyền sở hữu của bà T2 và các đồng thừa kế của ông Đào Xuân C nhưng chưa xác minh, thu thập chứng cứ đầy đủ để đưa những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông C vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Căn cứ giấy chứng tử, giấy khai sinh, lời khai trình bày của đương sự tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm thì ông Đào Xuân C có vợ là bà Ngô Thị Hồng T2, bà T2 và ông C có ba người con chung là Đào Thị Huyền T1, Đào Xuân T3, Đào Hồng Đ, có cha mẹ ruột là ông Đào Trọng Thư (chết năm 2001) và bà Trần Thị Thu hiện đang sinh sống tại thôn Trắc Dương, xã Thái Phương, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Như vậy hàng thừa kế thứ nhất, kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông C là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, gồm: Bà Trần Thị Thu, bà Ngô Thị Hồng T2, bà Đào Thị Huyền T1, ông Đào Xuân T3, ông Đào Hồng Đ.

Mặt khác, căn cứ văn bản xác minh số 257/TATP-TGĐVNCTN ngày 15/01/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thì Công an phường P, Quận C trả lời như sau: Căn nhà số 38/3B đường M, Khu phố B, phường P, Quận C do bà Đào Thị Huyền T1 làm chủ và bà T1 có đăng ký tạm trú cho 6 nhân khẩu ở từ tháng 7/2017 đến nay, gồm: Phùng Tấn T5, Nguyễn Hoàng N, Lương Hữu T6, Mai Minh T7, Bùi Văn Hòa, Lê Thanh T8 và tại địa chỉ trên có gắn bảng hiệu Công ty TNHH Z cũng cần xác minh làm rõ để đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Ngoài ra, trong đơn yêu cầu độc lập của mình, bà T2 tranh chấp toàn bộ giá trị căn nhà nhưng bà Ngô Thị Hồng T2 chỉ nộp số tiền tạm ứng án phí là 200.000 đồng theo biên lai số 0007812 ngày 27 tháng 6 năm 2016 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận C là không đúng, không đảm bảo cho yêu cầu tranh chấp của mình, lẽ ra bà phải nộp số tiền tạm ứng án phí là 37.371.327 đồng theo Biên bản định giá ngày 08/12/2016 thì giá trị nhà đất tranh chấp là 2.137.132.765 đồng.

Như vậy tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm thủ tục tố tụng quy định tại Điều 68, Điều 220, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Điều 24, 25 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên cần thiết hủy một phần bản án sơ thẩm đối với phần tranh chấp tài sản nhằm đảm bảo hai cấp xét xử, quyền lợi của những đương sự đang tranh chấp tài sản và những đương sự chưa được cấp sơ thẩm đưa vào tham gia tố tụng. Do đó chấp nhận kháng cáo của bị đơn, chấp nhận kháng nghị và đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm cho ông Đặng Hoài M do cầu kháng cáo được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 148, Điều 293, Khoản 3 Điều 308, Điều 310, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đặng Hoài M.

Chấp nhận kháng nghị số 66/QĐKNPT-VKS-DS ngày 12/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Hủy một phần bản án sơ thẩm về tài sản tranh chấp, xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Đào Thị Huyền T1 với ông Đặng Hoài M.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa bà T1 và ông M:

Giao trẻ Đặng Duy K, sinh ngày 14/01/2011 cho bà Đào Thị Huyền T1 tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành.

Ông Đặng Hoài M cấp dưỡng nuôi con với mức 4.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Ông M được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở quyền này.

Vì quyền và lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản: Hủy phần tài sản đang tranh chấp là nhà đất tọa lạc tại số 38/3B đường M, Khu phố B, phường P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; Giao toàn bộ hồ sơ về phần này cho Tòa án nhân dân Quận C giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

4. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 200.000 đồng bà Đào Thị Huyền T1 chịu được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án sơ thẩm số 07489 ngày 24 tháng 10 năm 2013 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Đặng Hoài M chịu án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 đồng.

Hoàn tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm cho ông Đặng Hoài M theo Biên lai thu số 0003298 ngày 22/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Án xử công khai phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật thi hành.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Tòa án nhân dân Quận C;
- Chi Cục THADS Quận C;
- UBND phường X, Quận Y;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thọ Viên